

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TS
TỈNH AG**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N
Độc lập - Tự do - H P**

Bản án số 36/2022/HS-ST
Ngày: 06/6/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tr.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đ

2. Ông Phan M Quốc.

- T ký phiên tòa: Ông Nguyễn Q Th - T ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng H - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/HS-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1/ Bùi M Th, S ngày 22/7/2005. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Trung, xã VT, huyện TS, tỉnh AG; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Đạo Phật; Q tịch: V N; con ông Bùi Lê T, S năm 1979 và bà Đào Thị M, S năm 1975; anh chị em ruột có ba người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2021 đến ngày 12/10/2021 tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Nguyễn M T, S năm 1994. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Trung, xã VT, huyện TS, tỉnh AG; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Đạo Phật; Q tịch: V N; con ông Nguyễn Hoàng P A, S năm 1973 và bà Trương Mỹ N, S năm 1976; anh em ruột có ba người, bị cáo là người thứ nhất; vợ: Nguyễn Thị M T, S năm 1999, bị cáo chưa có con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2021 đến ngày 12/10/2021 tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Bùi Lê T, S ngày 29/9/2000. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Trung, xã VT, huyện TS, tỉnh AG; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Đạo Phật; Q tịch: V N; con ông Bùi Lê T, S năm 1979 và bà Đào Thị M, S năm 1975; anh em ruột có ba người, bị cáo là người thứ nhất; vợ: Nguyễn Trần Thị Thiên T, S năm 2001. Bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2021 đến ngày 12/10/2021 tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/ Dương Huỳnh Nhựt L, S ngày 09/8/1999. Nơi cư trú: ấp Đông Bình Trạch, xã Vĩnh Th, huyện Châu Th, tỉnh AG; nơi cư trú: ấp Ấp Đông Bình Trạch, xã Vĩnh Th, huyện Châu Th, tỉnh AG; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Khmer; giới tính: N; tôn giáo: Đạo Phật; Q tịch: V N; con ông Dương Hoàng M, S năm 1963 và Huỳnh Thị Th, S năm 1975; anh em ruột có năm người, bị cáo là người thứ ba; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Ngày 11/7/2021, bị Công an xã VT xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Cùng ngày, L thực hiện xong nghĩa vụ nộp phạt.

Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/10/2021 đến ngày 12/10/2021 tạm giam cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5/ Nguyễn Q B, S ngày 10/9/1998; nơi cư trú: ấp Trung Th, xã Vĩnh Th, huyện Châu Th, tỉnh AG; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Đạo Phật; Q tịch: V N; con ông Nguyễn NgH, S năm 1964 và bà Nguyễn Kim L, S năm 1967; anh em ruột có bốn người, bị cáo là người thứ tư; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6/ Lê Bá P, S ngày 27/8/2004; nơi cư trú: ấp T Niên, thị trấn Phú H, huyện TS, tỉnh AG; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Đạo Phật; Q tịch: V N; con ông Lê Văn Đ, S năm 1974 và bà Lê NgL, S năm 1974; anh, chị, em ruột có 3 người, bị cáo là người thứ ba; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7/ Đặng Văn S, S ngày 20/3/2004; nơi cư trú: ấp Đông An, xã VC, huyện TS, tỉnh AG; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Đạo Phật; Q tịch: V N; con ông Đặng Văn N, S năm 1977 và bà Cao Thị H, S năm 1975; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8/ Trịnh Đ Kh, S ngày 10/9/2004; nơi cư trú: ấp Tây Bình A, xã VC, huyện TS, tỉnh AG; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Đạo Phật; Q tịch: V N; con ông Trịnh Văn Nh, S năm 1978 và bà Ngô Thị Ánh Ng, S năm 1981; chị, em ruột: Có 2 người, bị cáo là người thứ hai; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Hồng P A, S năm 1973. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Trung, xã VT, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

2/ Bà Trần NgTh, S năm 1968. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Lợi, xã VK, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

3/ Ông Nguyễn Hoàng Th, S năm 1961. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Lợi, xã VK, huyện TS, tỉnh AG (có mặt).

4/ Ông Trần Q T, S năm 1971. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Trung, xã VT, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

5/ Ông Nguyễn Văn V, S năm 1966. Nơi cư trú: ấp Phú Th, xã Tây Phú, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

6/ Bà Đào Thị M, S năm 1975. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Trung, xã VT, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

Người làm chứng:

1/ Anh Trần T T, S năm 1998. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Trung, xã VT, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

2/ Ngô Hoài Ngọc, S năm 1997. Nơi cư trú: ấp Vĩnh Trung, xã VT, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

3/ Phan Gia Th, S năm 2006. Nơi cư trú: ấp Phú H, thị trấn Phú H, huyện TS, tỉnh AG (vắng mặt)

Người giám hộ của Phan Gia Th: Bà Ngô Thị Hồng H, S năm 1983. Nơi cư trú: ấp Phú H, thị trấn Phú H, huyện TS, tỉnh AG (vắng mặt)

4/ *Nguyễn V T*, S năm 2004. Nơi cư trú: ấp H Đông, thị trấn Phú H, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

Người giám hộ của Nguyễn V T: Chị Hồ Quyền Tr, S năm 2001 - Phó Bí T Đoàn T niên thị trấn Phú H (có mặt)

5/ *Anh Phạm T T*, S năm 1985. Nơi cư trú: ấp Phú H, thị trấn Phú H, huyện TS, tỉnh AG (vắng mặt)

Người giám hộ của Trịnh Đ Kh: Ông Trịnh Văn Nh, S năm 1978. Nơi cư trú: ấp Tây Bình A, xã VC, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

Người giám hộ của Lê Bá P: Bà Lê NgL, S năm 1974. Nơi cư trú: ấp T Niên, thị trấn Phú H, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

Người giám hộ của Đặng Văn S: Bà Cao Thị H, S năm 1975. Nơi cư trú: ấp Đông An, xã VC, huyện TS, tỉnh AG (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Bùi M Th: Ông Nguyễn T T - Luật sư Văn phòng Luật sư Phương T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh AG (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn S: Ông Phan Văn H - Trợ giúp viên pháp lý, Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh AG (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Lê Bá P: Ông Đỗ Kh Kh - Trợ giúp viên pháp lý, Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh AG (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo Trịnh Đ Kh: Bà Văng Thị V - Trợ giúp viên pháp lý, Trung T trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh AG (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt N sau:

Khoảng 17 giờ ngày 01/10/2021, Nguyễn M T điều khiển xe mô tô biển số 67F4-3176 chở Bùi M Th (S ngày 22/7/2005) đến ấp Phú H, thị trấn Phú H, huyện TS để sửa điện thoại, thì bị Nguyễn QB điều khiển xe mô tô biển số 67L2-477.47 chạy từ phía sau vượt lên, chặn ngang đầu xe, thách thức đánh nhau, Nng T không trả lời nên B điều khiển xe về tiệm sửa xe tại ấp Phú H cách nơi thách thức đánh nhau khoảng 500m kể lại sự việc cho Trịnh Đ Kh, Lê Bá P (cùng S năm 2004) và rủ Kh, P chặn đường đánh T, riêng Th sợ có đánh nhau nên nhặt hai khúc gỗ dài khoảng 60cm cầm trên tay. Khi này, P nhìn thấy T điều khiển xe chở Th chạy qua tiệm, P lấy xe mô tô biển số 67C1-633.56 đuổi theo bị Th cầm khúc gỗ dọa đánh nên P quay xe về tiệm. Tại đây, B tiếp tục kêu P rủ thêm Đặng Văn S (S năm 2004) và chuẩn bị hung khí sẵn để đánh nhau với T.

Riêng Th, T về đến nhà kể lại việc bị nhóm B vô cớ đuổi đánh cho Bùi Lê T (anh ruột của Th) và Dương Huỳnh Nhựt L nghe, đồng thời T rủ Trần T T, Ngô Hoài Ngchuẩn bị hung khí đến nhà T tại ấp Vĩnh Trung, xã VT, huyện TS tìm nhóm B đánh nhau thì tất cả đồng ý. Thực hiện ý định, T về nhà lấy dao dài

khoảng 70cm, Th lấy dao dài khoảng 01m, Bùi Lê T lấy dao dài 92cm, Dương Huỳnh Nhựt L lấy dao dài 1.19m tất cả đều là loại dao tự chế bằng kim loại có mũi dao nhọn, lưỡi sắc bén, Nghì cầm khúc gỗ dài khoảng 50cm. Xong, T điều khiển xe mô tô 67F4-3176 chở Th; T điều khiển xe mô tô 67C1-221.36 chở Ngọc; T điều khiển xe 67AA-067.23 chở L ngồi sau cầm hung khí đến khu vực vừa cát, đá “Tuyệt H” đọi nhóm B. Khi này, T và Ng không muốn cùng T đánh nhau nên T chở Ng về nhà ném bỏ khúc gỗ. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày T, Th, T, L tiếp tục điều khiển xe mô tô đến ngang tiệm sửa xe của B thì B cầm tuýp bằng kim loại dài 70cm, P cầm gậy ba khúc bằng kim loại dài 64cm và dao tự chế bằng kim loại dài 40cm, S cầm gậy ba khúc bằng kim loại dài 63cm cùng Kh (không sử dụng hung khí) chạy bộ qua dải phân cách xông vào đánh nhóm T. Thấy nhóm của T cầm nhiều dao tự chế sắc bén nên B tri hô cùng P, S, Kh bỏ chạy. L, T cầm dao tự chế đuổi chém B, P, S không kịp, còn Kh bị trượt chân ngã trước nền nhà Phạm T T, bị Th cầm dao tự chế bằng hai tay vung cao chém từ trên xuống, Kh giơ tay phải lên đỡ làm đứt lìa bàn tay, T chạy đến dùng chân đạp một cái vào người Kh rồi cả nhóm lên xe điều khiển bỏ trốn và ném bỏ hai cây dao tự chế xuống kênh Mắc Cần Dền Lớn. Riêng, Kh được mọi người đưa đến Bệnh viện đa Kh Th phố Cần Thơ cấp cứu điều trị đến ngày 15/10/2021 ra viện. Biết hành vi bị phát hiện, ngày 03/10/2021 T, Th, T, L đến Công an xã VT đầu thú.

Ngày 04/10/2021, Ủy ban nhân dân thị trấn Phú H, huyện TS có Công văn số 29/ĐN-UBND đề nghị xử lý nghiêm các đối tượng tham gia đánh nhau, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Ngày 11/10/2021, 11/02/2022 T, Th, T, L, B, Kh, P, S bị khởi tố điều tra.

Vật chứng thu giữ: Hai xe mô tô biển số 67C1-221.36; 67F4-3176; Một xe mô tô không gắn biển số số máy 609588, số khung 609588; hai cây dao tự chế dài 1.19m và 92cm mũi sắc nhọn; hai gậy ba khúc bằng kim loại dài 63cm, 64cm; một dao tự chế bằng kim loại dài 40cm mũi sắc nhọn; T kim loại màu trắng tròn, dài 70cm; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Huỳnh NgThảo; hai chiếc dép nhựa màu đỏ, quay dép màu đen, nhãn hiệu Havaianas.

Bản kết luận giám định pháp y về Tạng tích số 394/21/TgT ngày 06/12/2021 của Trung T pháp ý tỉnh AG, ghi nhận Tạng tích của Trịnh Đ Kh:

Sẹo cổ bàn tay phải từ mặt lưng đến mặt lòng phía ngón V, kích Tớc (31 x 0.5)cm. Sẹo mổ mặt trước đầu tiên, kích Tớc (4 x 0.8)cm; sẹo mổ mặt trước đầu dưới phía lòng bàn tay, kích Tớc (4.5. x 0.2)cm; 02 sẹo mổ mặt sau ngoài, kích Tớc (1.3 x 0.1)cm, (0.8 x 0.2)cm; 02 sẹo mổ mặt sau trong, kích Tớc (2.5 x 0.4)cm, (0.6 x 0.3)cm. Đứt lìa cổ bàn tay phải đã phẫu thuật vi phẫu nối thần kinh, mạch máu, gân cơ, kết hợp xương. Hiện tại bàn tay và các ngón tay phải hồng, cử động cổ tay hạn chế, cử động các ngón hạn chế, rối loạn cảm giác, mức độ nặng.

Tỷ lệ tổn Tạng cơ thể do Tạng tích gây nên hiện tại là 49%, do vật sắc gây nên.

Kết luận giám định số 01/KLGT-PC09 ngày 05/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh AG, ghi nhận:

- Mẫu màu nâu thu tại hiện trường vị trí số 1 không phải máu người.
- Mẫu màu nâu thu tại góc ngoài bên phải trên tường là máu người, thuộc nhóm máu O.
- Mẫu máu của Trịnh Đ Kh thuộc nhóm máu O.

Kết luận giám định số 21/KLGT-PC09 ngày 15/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh AG, ghi nhận: Về đối tượng giám định, trích xuất 23 ảnh từ dữ liệu một tập tin video lưu trữ trong đĩa DVD do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS gửi giám định.

Phiếu trả lời xác M phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Công an huyện TS ngày 25/02/2022, xác định:

- Biển số xe mô tô 67AA-067.23, nhãn hiệu CUBTTHAILD, số khung RR6DCB4UMET609588, số máy VZS139FMB609588 do Trần NgTh đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe.
- Biển số xe mô tô 67C1-221.36, nhãn hiệu Yamaha, số khung 1FC3-028181, số máy RLCS1FC30EY028181 do Huỳnh NgThảo đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe.
- Biển số xe mô tô 67F4-3176, nhãn hiệu Honda, số khung NF100ME0068278, số máy NF100M0068278 Hồ NgTài đứng tên trong giấy chứng nhận đăng ký xe.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, các bị cáo Bùi M Th, Nguyễn M T, Bùi Lê T, Dương Huỳnh Nhựt L, Nguyễn QB, Lê Bá P, Đặng Văn S, Trịnh Đ Kh khai nhận hành vi phạm tội phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định Tơng tích và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKSTS ngày 15/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, tỉnh AG đã truy tố bị cáo Bùi M Th, Nguyễn M T, Bùi Lê T, Dương Huỳnh Nhựt L về tội “Cố ý gây Tơng tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nguyễn QB, Lê Bá P, Đặng Văn S về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Trịnh Đ Kh về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra cũng N tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên truy tố N

Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; 91, 101, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi M Th mức án từ 05 năm tù đến 06 năm tù về tội “Cố ý gây Tơng tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn M T mức án từ 05 năm tù đến 06 năm tù về tội “Cố ý gây Tơng tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Lê T mức án từ 05 năm tù đến 06 năm tù về tội “Cố ý gây Tơng tích”.

Xử phạt bị cáo Dương Huỳnh Nhựt L mức án từ 05 năm tù đến 06 năm tù về tội “Cố ý gây Tơng tích”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn QB mức án từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 36, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Bá P mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn S mức án từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trịnh Đ Kh mức án từ 06 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Về hình phạt bổ sung: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phạm tội Cố ý gây Tơng tích bồi Tơng cho bị hại theo quy định pháp luật.

Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Luật sư Nguyễn T T bào chữa cho bị cáo Bùi M Th không tranh luận với Kiểm sát viên về điểm, khoản và điều luật áp dụng; thống nhất phần nhận định của Viện kiểm sát về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo xuất thân Th phần lao động nghèo, học vấn thấp, cha mẹ bị cáo hiện đã ly hôn, không có điều kiện giáo dục bị cáo nên hiểu biết pháp luật hạn chế; vụ án xảy ra có phần lỗi của bị hại gây sự trước; bị cáo có nhân thân tốt chưa tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội ra đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở Th công dân tốt, giúp ích cho gia đình và xã hội.

Trợ giúp viên pháp lý ông Phan Văn H bào chữa cho bị cáo Đặng Văn S thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát về điểm, khoản và điều luật áp dụng; ngoài ra đề nghị xem xét thêm cho bị cáo các tình tiết sau: Đây là vụ án đồng phạm, mặc dù có sử dụng hung khí, Nng các bị cáo không có phân công vai trò cụ thể, bị cáo Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức còn hạn chế, dễ bị bạn bè xấu kích động, rủ rê, lôi kéo. Từ nhận định, phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ N đề nghị của Viện kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở Th công dân tốt.

Trợ giúp viên pháp lý ông Đỗ Kh Kh bào chữa cho bị cáo Lê Bá P không tranh luận với Kiểm sát viên về điểm, khoản và điều luật áp dụng; thống nhất phần nhận định của Viện kiểm sát về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo; ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm các tình tiết giảm nhẹ sau: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật hạn chế; quá trình điều tra và tại phiên tòa thật thà khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội có một phần lỗi của bị hại; tại địa phương, bị cáo chấp hành tốt chủ trương, chính sách pháp luật. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án 09 tháng cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở Th công dân tốt.

Trợ giúp viên pháp lý Bà Văng Thị V bào chữa cho bị cáo Trịnh Đ Kh không tranh luận với Kiểm sát viên về điểm, khoản và điều luật áp dụng; thống nhất phần nhận định của Viện kiểm sát về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm về nhân thân của bị cáo, chưa tiền án tiền sự, bị cáo tham gia trong vụ án với vai trò thứ yếu. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở Th công dân tốt giúp ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định N sau:

[1] Về tố tụng:

Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TS, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TS, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Trong vụ án này còn có người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sau khi vụ án xảy ra những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử vụ án.

[2] Những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn T phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các biên bản hoạt động tố tụng; ngoài ra còn phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thấy có đầy đủ căn cứ xác định: Ngày 01/10/2021, vì duyên cớ nhỏ nhặt, Bùi M Th, Nguyễn M T, Bùi Lê T, Dương Huỳnh Nhựt L đánh nhau với nhóm của Nguyễn QB, Trịnh Đ Kh, Lê Bá P, Đặng Văn S. Trong đó, Bùi M Th, Nguyễn M T, Bùi Lê T, Dương Huỳnh Nhựt L sử dụng dao tự chế; Nguyễn QB, Lê Bá P, Đặng Văn S sử dụng ống tuýp sắt; dao tự chế và gây ba khúc. Hậu quả Trịnh Đ Kh bị Bùi M Th sử dụng dao tự chế dài 01m chém đứt lìa bàn tay phải với tỷ lệ tổn Tạng cơ thể 49% và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại khu dân cư.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, hành vi nêu trên của bị cáo Bùi M Th, Nguyễn M T, Bùi Lê T, Dương Huỳnh Nhựt L đã phạm vào tội “Cố ý gây Tạng tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; hành vi của Nguyễn QB, Lê Bá P, Đặng Văn S đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; hành vi của Trịnh Đ Kh đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS đã truy tố các bị cáo về tội danh, Điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Tính mạng, sức khỏe con người là vốn quý nhất của xã hội được pháp luật hình sự B vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của người khác đều phải bị pháp luật trừng trị kịp thời và nghiêm M.

Các bị cáo đứng trước tòa là những người có đầy đủ khả năng nhận thức được rằng việc nào đúng việc nào sai, Nng do xem Tông pháp luật đã dẫn các bị cáo vào con đường phạm tội. Trong vụ án thể hiện rõ hai nhóm tội phạm, mỗi bị cáo có hành vi phạm tội khác nhau; người có hành vi Cố ý gây Tông tích và người có hành vi Gây rối trật tự công cộng. Mỗi bị cáo đều thể hiện hành vi, vai trò khác nhau trong quá trình thực hiện tội phạm, do đó cần phải phân hóa tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án này.

Đối với nhóm tội Cố ý gây Tông tích: Trước hết bị cáo Th, mặc dù khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, Nng là người giữ vai trò chủ mưu, rủ rê, xúi giục các bị cáo T, T, L thực hiện tội phạm và là người trực tiếp dùng dao gây Tông tích cho bị cáo Kh. Hành vi của bị cáo rất nguy hiểm, xem Tông sức khỏe người khác, do vậy khi lượng hình cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở Th công dân tốt.

Đối với các bị cáo T, T, L là những T niên đã trưởng Th, đủ khả năng nhận thức việc làm của mình đúng, sai; lẽ ra khi T, L được T, Th rủ rê tham gia đánh nhau với nhóm của B, các bị cáo phải từ chối lựa lời khuyên ngăn, Nng các bị cáo không làm được điều đó mà vẫn cố ý thực hiện và thống nhất bàn bạc cùng nhau tìm nhóm B đánh, hành vi của các bị cáo là đồng phạm tội Cố ý gây Tông tích với vai trò là người trực tiếp cầm dao tự chế, tham gia đuổi chém những người liên quan, mặc dù không gây Tông tích cho ai Nng hành vi của các bị cáo đã giúp sức tích cực về mặt tinh thần, tạo điều kiện cho bị cáo Th chém bị cáo Kh gây Tông tích 49%. Do đó các bị cáo có mức án N nhau và thấp hơn bị cáo Th. Tuy nhiên, khi lượng hình có xem xét cho bị cáo T có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với nhóm tội Gây rối trật tự công cộng: Bị cáo Nguyễn QB, Lê Bá P, Đặng Văn S và Trịnh Đ Kh, trong đó bị cáo Nguyễn QB là người đã trưởng Th đồng thời là người giữ vai trò chính, bị cáo rủ rê P, S, Kh sử dụng hung khí đánh nhau với nhóm bị cáo T. Khi tham gia đánh nhau, bị cáo B cầm ống tuýp sắt; bị cáo P 1 tay cầm gậy 3 khúc, một tay cầm dao tự chế; bị cáo S cầm gậy 3 khúc, bị cáo Kh không cầm hung khí gì, tất cả chạy qua tỉnh lộ 943 để đánh nhau với nhóm của bị cáo T; nơi đánh nhau có đèn tín hiệu giao thông, lượng người qua lại đông đúc, trong thời gian này cả tỉnh AG đang thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg, ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phòng chống dịch Covid-19. Hành vi trên của các bị cáo B, P, S, Kh là nguyên nhân dẫn đến nhóm bị cáo T, cụ thể bị cáo Th cầm dao tự chế chém đứt lìa bàn tay phải của bị cáo Kh, gây tỷ lệ tổn Tông cơ thể 49%.

Hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an T xã hội trên địa bàn, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân nên cần phải

xử phạt mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên khi lượng hình có xem xét đến các bị cáo P, S, Kh khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi; nên mức hình phạt bị cáo P, S thấp hơn bị cáo B và cao hơn bị cáo Kh.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn QB là người xúi giục bị cáo P, S Kh thực hiện hành vi phạm tội khi các bị cáo này chưa tròn 18 tuổi nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo xuất thân từ Th phần lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Th khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn, hối cải; đối với bị cáo Trịnh Đ Kh phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; riêng đối với bị cáo Nguyễn M T sau khi phạm tội đã tác động gia đình khắc phục hậu quả được số tiền 20.000.000 đồng cho Trịnh Đ Kh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Do các bị cáo Lê Bá P, Đặng Văn S, Trịnh Đ Kh thuộc Th phần lao động nghèo, học vấn thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; tại phiên tòa thật thà khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải. Trong thời gian tại ngoại, luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết cách ly ra khỏi Đ sống xã hội bằng việc chấp hành hình phạt tù và việc cho các bị cáo cải tạo tại địa phương không nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an T xã hội; đồng thời cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[6] Về Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo Lê Bá P, Đặng Văn S, Trịnh Đ Kh có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; đồng thời, không buộc các bị cáo khấu trừ thu nhập theo quy định.

[7] Các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Bùi M Th, Nguyễn M T, Bùi Lê T, Dương Huỳnh Nhựt L thực hiện hành vi phạm tội Cố ý gây Tơng tích, gây thiệt hại về sức khỏe cho bị hại thì phải có nghĩa vụ bồi Tòng, khắc phục hậu quả.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Đ Kh và ông Trịnh Văn Nh (cha bị cáo Kh) thống nhất yêu cầu các bị cáo bồi Tòng các khoản sau:

- Chi phí điều trị 80.664.000 đồng;
- Tiền Tồn thất tinh thần: 15.000.000 đồng.

Tổng cộng: 95.664.000 đồng

Yêu cầu của Trịnh Đ Kh và ông Trịnh Văn Nh được các bị cáo đồng ý bồi Tòng nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Quá trình điều tra, ông Nguyễn Hồng P A (cha bị cáo T) đã bồi Tòng, khắc phục hậu quả được 20.000.000 đồng nên được khấu trừ phần trách nhiệm dân sự của bị cáo T

Tại phiên tòa, bà Đào Thị M (mẹ bị cáo Th) tự nguyện đồng ý cùng với bị cáo Th bồi Tòng cho bị cáo Kh. Xét thấy, đây là sự tự nguyện đương sự, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 xe mô tô biển số 67C1-221.36;
- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Huỳnh NgThảo;
- 01 xe mô tô biển số 67F4-3176;
- 01 xe mô tô không gắn biển số số máy 609588, số khung 609588;
- 02 cây dao tự chế dài 1.19m và 92cm mũi sắc nhọn;
- 03 gậy ba khúc bằng kim loại dài 63cm, 64cm;
- 01 dao tự chế bằng kim loại dài 40cm mũi sắc nhọn;
- 01 T kim loại màu trắng tròn, dài 70cm;
- 02 chiếc dép nhựa màu đỏ, quay dép màu đen, nhãn hiệu Havaianas.

Các vật chứng này cần phân hóa ra xử lý N sau:

- Đối với xe mô tô biển số 67C1-221.36 là của ông Trần QT, không liên qua vụ án nên cần tuyên bố trả lại cho ông T (kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Huỳnh NgThảo);

- Đối với xe mô tô biển số 67F4-3176 là của ông Nguyễn Văn V, bị cáo Nguyễn M T lấy xe sử dụng rồi gây án, ông V không hay biết nên tuyên bố trả lại cho ông V;

- Đối với xe mô tô không gắn biển số số máy 609588, số khung 609588 là của ông Nguyễn Hoàng Th, bà Trần NgTh (cha, mẹ vợ bị cáo Bùi Lê T), bị cáo T lấy xe sử dụng rồi gây án, ông Th, bà Th không hay biết nên tuyên bố trả lại cho ông Th, bà Th;

Đối với các vật chứng còn lại có liên quan đến vụ án Nng không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên bố tịch thu tiêu hủy.

[8] Bị cáo Bùi M Th, Nguyễn M T, Bùi Lê T, Dương Huỳnh Nhựt L, Nguyễn QB, Lê Bá P, Đặng Văn S, Trịnh Đ Kh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo Bùi M Th (cùng với bà Đào Thị M), Nguyễn M T, Bùi Lê T, Dương Huỳnh Nhựt L còn phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Đối với Trần T T, Ngô Hoài Ng có hành vi chuẩn bị đoạn gỗ tham gia tìm nhóm B đánh, là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, trên đường đi T và Ng ném

bỏ hung khí, đi về trước không tiếp tục tham gia đánh nhau nên không đồng phạm về tội “Cố ý gây Thương tích”, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện TS không khởi tố T, Ngven tội danh nêu trên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi M Th, Nguyễn M T, Bùi Lê T, Dương Huỳnh Nhựt L phạm tội “Cố ý gây Thương tích”

Tuyên bố bị cáo Nguyễn QB, Lê Bá P, Đặng Văn S, Trịnh Đ Kh phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; Điều 91, Điều 101, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi M Th 05 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03/10/2021.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn M T 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03/10/2021.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Lê T 05 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03/10/2021.

Xử phạt bị cáo Dương Huỳnh Nhựt L 05 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 03/10/2021.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn QB 02 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 17, Điều 58, Điều 36, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Bá P 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Phú H, huyện TS, tỉnh AG nhận được quyết định và bản sao bản án.

Giao bị cáo P cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phú H, huyện TS, tỉnh AG giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo P có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân

dân thị trấn Phú H, huyện TS, tỉnh AG trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn S 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã VC, huyện TS, tỉnh AG nhận được quyết định và bản sao bản án.

Giao bị cáo S cho Ủy ban nhân dân xã VC, huyện TS, tỉnh AG giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo S có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã VC, huyện TS, tỉnh AG trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Trịnh Đ Kh 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã VC, huyện TS, tỉnh AG nhận được quyết định và bản sao bản án.

Giao bị cáo Kh cho Ủy ban nhân dân xã VC, huyện TS, tỉnh AG giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Kh có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã VC, huyện TS, tỉnh AG trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Bùi M Th (cùng với bà Đào Thị M), Bùi Lê T, Dương Huỳnh Nhựt L mỗi bị cáo bồi Tòng cho Trịnh Đ Kh (do ông Trịnh Văn Nh đại diện nhận) số tiền 23.916.000 đồng; riêng bị cáo Nguyễn M T bồi Tòng cho Trịnh Đ Kh số tiền 3.916.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Trả lại cho ông Trần QT xe mô tô biển số 67C1-221.36 (kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Huỳnh NgThảo);

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn V xe mô tô biển số 67F4-3176

- Trả lại cho ông Nguyễn Hoàng Th, bà Trần NgTh xe mô tô không gắn biển số, số máy 609588, số khung 609588;

Tuyên bố tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 02 cây dao tự chế dài 1.19m và 92cm mũi sắc nhọn;

- 03 gậy ba khúc bằng kim loại dài 63cm, 64cm;

- 01 dao tự chế bằng kim loại dài 40cm mũi sắc nhọn;

- 01 T kim loại màu trắng tròn, dài 70cm;
- 02 chiếc dép nhựa màu đỏ, quay dép màu đen, nhãn hiệu Havaianas.

(Các vật chứng này hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 10/QĐ-VKSTS, ngày 15/3/2022) của Viện kiểm sát nhân dân huyện TS.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Bùi M Th, Nguyễn M T, Bùi Lê T, Dương Huỳnh Nhật L, Nguyễn QB, Lê Bá P, Đặng Văn S, Trịnh Đ Kh mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; riêng các bị cáo Bùi M Th (cùng với bà Đào Thị M), Nguyễn M T, Bùi Lê T, Dương Huỳnh Nhật L mỗi bị cáo còn phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm là 1.195.800 đồng.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; để yêu cầu xét xử P thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- Sở Tư pháp AG;
- VKSND huyện TS;
- Cơ quan điều tra CA huyện TS;
- Cơ quan THA hình sự huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- Bị cáo, bị hại, các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tr